

Bước đầu nhận xét việc thể hiện cách dùng phụ từ trong các sách giáo khoa dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ : trên tư liệu các tài liệu trong nước xuất bản từ năm 1980 đến năm 2005 :Luận văn ThS. Ngôn ngữ học: 60.22.01 /Trần Thị Ánh Tuyết ; Nghd. : GS.TS. Đinh Văn Đức

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Đất nước Việt Nam đang trong thời kỳ hội nhập và phát triển. Đặc biệt sau khi gia nhập WTO, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được củng cố và nâng cao. Tiếng Việt đã, đang và sẽ là phương tiện giao tiếp đắc dụng để bạn bè thế giới tiếp cận với văn minh, văn hóa Việt Nam và cũng là phương tiện để người Việt Nam giao lưu, hội nhập với thế giới trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội v...

Là người may mắn được tiếp xúc và dạy những người nước ngoài học tiếng Việt, cùng với kinh nghiệm ít ỏi của bản thân, tôi mong muốn thực hiện đề tài : ***Bước đầu tìm hiểu việc thể hiện cách dùng phụ từ trong các sách giáo khoa dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ. (Trên tư liệu các tài liệu trong nước xuất bản từ năm 1980 đến năm 2005)***, nhằm góp một tiếng nói thực tế vào giải quyết một số vấn đề đang còn tồn tại trong việc biên soạn và giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ hiện nay.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Trong luận văn này, chúng tôi tập trung vào khảo sát và nghiên cứu các phụ từ được dùng trong các sách giáo khoa dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ có ứng dụng phương pháp giao tiếp vào tiến trình giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài, được xuất bản trong nước từ năm 1980 đến năm 2005.

2.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn thực hiện xác định phụ từ trong các sách tiếng Việt cho người nước ngoài ở các phần sau:

- Phân giải thích ngữ pháp và hướng dẫn sử dụng phụ từ.
- Phân bài tập
- Phân bài luyện

Luận văn không khảo sát phụ từ trong phần hội thoại và phần bài đọc.

3. MỤC ĐÍCH VÀ NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

*Nghiên cứu đề tài này chúng tôi nhằm mục đích góp phần cải tiến chất lượng của việc biên soạn sách giáo khoa dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ, đặc biệt ở trình độ bắt đầu và tiếp theo.

* Luận văn thực hiện xác định khái niệm, tiêu chí nhận diện hư từ nói chung và phụ từ nói riêng trong số các công trình nghiên cứu về hư từ tiếng Việt. Từ đó cố gắng giới thiệu được một khái niệm chung nhất về phụ từ tiếng Việt cũng như đưa ra được các đặc điểm và kiểu loại của nó.

*Luận văn tiến hành nghiên cứu và mô tả các phụ từ ở cả trình độ cơ sở và nâng cao, đưa ra được những bảng biểu và biểu đồ về tình hình sử dụng chúng trong các sách tiếng Việt.

* Luận văn đề xuất về thứ tự các phụ từ được đưa vào giảng dạy trong phần ngữ pháp của các sách, đồng thời đưa ra một số ý kiến về giải pháp trong biên soạn và giảng dạy phụ từ tiếng Việt cho người nước ngoài.

4. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Các phương pháp chủ yếu được sử dụng trong luận văn là:

- Phương pháp thống kê
- Phương pháp miêu tả, mô hình hóa
- Phương pháp so sánh, đối chiếu
- Phương pháp phân tích lỗi của ngôn ngữ học ứng dụng...

5. BỐ CỤC CỦA LUẬN VĂN

Ngoài phần Mở đầu và phần Kết luận, bố cục của luận văn như sau:

- Phần 1. Cơ sở lí thuyết
 - Dẫn nhập 1. Những khái niệm lí luận liên quan đến hư từ và phụ từ
 - Dẫn nhập 2. Phụ từ trong các sách dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ từ năm 1980 đến năm 2005
- Phần 2. Nghiên cứu triển khai
 - Chương 1. Phụ từ trong các sách dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ (bậc học cơ sở). Miêu tả và bàn luận

- Chương 2. Phụ từ trong các sách dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ (bậc học nâng cao). Miêu tả và bàn luận

- Chương 3. Một vài ý kiến đóng góp cho giải pháp biên soạn và giảng dạy phụ từ tiếng Việt như một ngoại ngữ.

PHẦN 1

CƠ SỞ LÝ THUYẾT

DẪN NHẬP 1. NHỮNG KHÁI NIỆM LÝ LUẬN LIÊN QUAN ĐẾN HƯ TỪ VÀ PHỤ TỪ

1. HƯ TỪ TRONG HỆ THỐNG TỪ LOẠI TIẾNG VIỆT

1.1. Những ý kiến bàn về từ loại trong tiếng Việt

Các công trình nghiên cứu trước đây cho thấy từ loại là một nội dung quan trọng của ngữ pháp học truyền thống nói chung và ngữ pháp tiếng Việt nói riêng. Tài liệu cũ nhất nói về từ loại là cuốn “Việt-Bồ Đào Nha-La Tinh” của Alecxan de Rhodes. Tiếp theo là một số tài liệu dạy tiếng Việt do người Pháp và người Việt viết. Trương Văn Chình và Nguyễn Hiến Lê trong “Khảo luận về ngữ pháp Việt Nam” không trình bày các từ loại thành mục riêng mà chỉ trình bày thành tiết nhỏ như trong chương lớn về “từ vụ”, tức là chức năng cú pháp của từ...

Qua những ý kiến trên đây chúng tôi xin được rút ra một cách hiểu khái quát nhất về từ loại. Đó là những lớp từ có cùng bản chất ngữ pháp, được phân chia theo ý nghĩa, theo khả năng kết hợp với các từ ngữ khác nhau trong ngữ lưu và thực hiện những chức năng ngữ pháp nhất định ở trong câu.

1.2. Khái niệm hư từ tiếng Việt

Đã có nhiều người đề cập đến hư từ trong tiếng Việt. Hầu hết các nhà ngữ pháp khi nghiên cứu về tiếng Việt đều trực tiếp hoặc gián tiếp nói đến hư từ. Và cho đến nay vấn đề hư từ vẫn chưa phải là một vấn đề khép kín.

“Hư từ trong tiếng Việt hiện đại” là công trình nghiên cứu sâu sắc về hư từ. Qua đây, Nguyễn Anh Quế đã chỉ ra và phân tích một cách chi tiết về hư từ. Ông cho rằng: “Một từ, dù theo quan điểm nào cũng là có nghĩa. Khi đứng riêng rẽ, từ có ý nghĩa từ vựng, nhưng đứng trong câu nói từ có thêm ý nghĩa ngữ pháp... ý nghĩa từ vựng và ý nghĩa ngữ pháp của một từ...là hai mặt không thể thiếu, không thể tách rời...” (tr 39, 40). Tác giả đã đi đến kết luận cho rằng hư từ cũng có ý nghĩa từ vựng, tuy mờ nhạt hơn thực từ....Nói một cách khác, hư từ không mang ý nghĩa tất yếu hay ý nghĩa tự thân mà chỉ mang ý nghĩa tổ hợp...Hư từ không bao giờ làm yếu tố chính, yếu tố trung tâm mà chỉ làm yếu tố phụ trong đoạn ngữ hoặc chỉ dùng để nối kết các câu.

1.3. Đặc điểm của hư từ tiếng Việt

* *Về mặt ý nghĩa*: Hư từ mang ý nghĩa ngữ pháp, có tác dụng như một chất “xúc tác”, nối kết các sự vật, đặt chúng vào một hay nhiều quan hệ nhất định.

* *Về mặt làm chức năng trong câu*: Hư từ không độc lập làm thành phần câu cũng như không độc lập tạo ra câu, chúng không thể làm trung tâm của cụm từ, của ngữ đoạn mà chỉ có thể làm thành tố phụ trong cụm từ hoặc liên kết tạo cụm từ mới.

* *Về mặt ngữ dụng*: Hai đặc điểm trên qui định khả năng biểu đạt nghĩa ngữ dụng của hư từ là vô cùng phong phú. Nó có sắc thái nghĩa tình thái khi tham gia vào kết cấu cú pháp nào đó, trong một ngôn cảnh nào đó.

1.4. Phân loại hư từ tiếng Việt

Căn cứ vào tổ chức đoạn ngữ và chức năng cú pháp. Nguyễn Anh Quế đã chia hư từ thành 3 loại sau:

- Các hư từ chuyên làm thành tố phụ đoán ngữ (hư từ từ pháp)
- Các hư từ không làm thành tố phụ đoán ngữ (hư từ cú pháp)
- Các hư từ nằm ngoài đoán ngữ. Các hư từ phụ trợ.

2. PHỤ TỪ TIẾNG VIỆT

2.1. Khái niệm phụ từ

Để có cơ sở làm việc, chúng tôi đã theo cách gọi của từ điển tiếng Việt do Hoàng Phê (chủ biên) và xin đưa ra một khái niệm về phụ từ như sau:

Phụ từ là những từ không mang ý nghĩa từ vựng chân thực mà chỉ đi kèm danh từ, động từ- tính từ để bổ sung ý nghĩa phụ cho danh từ, động từ-tính từ.

2.2. Đặc điểm và kiểu loại của phụ từ tiếng Việt

Phụ từ cũng giống như kết từ và trợ từ, chúng cũng là hư từ. Vì thế ngoài những đặc điểm chung (đặc điểm của hư từ), nó còn có những đặc điểm riêng:

- Phụ từ thường đi kèm danh từ, động-tính từ để cấu tạo cụm từ
- Phụ từ không làm thành phần chính của câu

Dựa vào khả năng làm thành tố phụ cho danh từ hay động từ-tính từ, phụ từ được chia ra thành: **định từ và phó từ.**

3. HƯ TỪ NÓI CHUNG VÀ PHỤ TỪ NÓI RIÊNG TỪ GÓC NHÌN NGỮ DỤNG HỌC

3.1. Tìm hiểu vai trò ngữ dụng học của hư từ và những ứng dụng trong nghiên cứu của luận văn

Qua bước đầu khảo sát các cứ liệu tiếng Việt, một số tác giả như: Nguyễn Lai, Văn Chính... đã xác định được là: nghĩa giao tiếp

là loại nghĩa được thể hiện qua hoạt động giao tiếp gắn với cơ chế mở của ngôn ngữ. Nét nghĩa của hư từ trong trạng thái hoạt động gắn với cơ chế này thường rất khó nhận dạng và hầu như không thể trực tiếp định nghĩa bằng khái niệm logic. Tuy nhiên, xét hiệu lực giao tiếp từ góc độ ngữ dụng học thì chắc chắn chúng đều góp phần tạo nên hiệu lực thông báo chung. Tức là, nếu loại bỏ chúng khỏi phát ngôn, ta sẽ mất một phân số thông tin nào đó trong hàm lượng thông báo chung của tổng thể cấu trúc phát ngôn.

3.2. Vai trò của phụ từ trong việc dạy tiếng Việt

Trong số các loại hư từ thì phụ từ có vai trò đặc lực trong việc diễn đạt ý nghĩa ngữ pháp cho động từ, tính từ. Chẳng hạn như diễn đạt ý nghĩa tiếp diễn của hành động, diễn đạt ý nghĩa thời gian, ý nghĩa phủ định, cầu khiến v.v... của hành động.. Chức năng chủ yếu của phụ từ là làm thành thành phần phụ cho đoạn ngữ. Vì thế, dạy phụ từ tiếng Việt cho người nước ngoài là việc không thể thiếu trong những bài học đầu tiên. Số lượng hư từ nói chung và phụ từ nói riêng mặc dù không phong phú như các thực từ nhưng lại có thể cấu tạo được số câu khổng lồ trong các tình huống giao tiếp khác nhau. Vì vậy dạy phụ từ cho người nước ngoài là dạy cách sử dụng ngôn ngữ một cách đúng ngữ pháp, có logic và thuần thực nhất.

DẪN NHẬP 2. PHỤ TỪ TRONG CÁC SÁCH DẠY TIẾNG VIỆT NHƯ MỘT NGOẠI NGỮ TỪ NĂM 1980 ĐẾN NĂM 2005

1. LỰA CHỌN TƯ LIỆU THỐNG KÊ.

Dựa vào tiêu chí về trình độ của sách, chúng tôi đã chia các sách mà chúng tôi thống kê được thành 2 trình độ: trình độ cơ sở và trình độ nâng cao. Để có thể phân chia được, chúng tôi đã dựa vào những nguyên tắc sau:

1.1. Những sách mà tác giả đã phân chia trình độ bằng cách đặt tên Chúng tôi tôn trọng giữ nguyên theo cách phân chia của tác giả

1.2. Những sách mà tác giả không phân chia trình độ bằng cách đặt tên nhưng lại có một hệ thống giáo trình theo trật tự từ quyển A đến quyển B và C. Chúng tôi xếp quyển A vào trình độ cơ sở, còn quyển B,C được xếp vào trình độ nâng cao.

1.3. Những cuốn sách không có hai đặc điểm trên. Chúng tôi căn cứ vào trình độ của sách và nội dung của những bài trong sách để phân loại.

Để tiện cho việc nhận xét và trích dẫn ở những phần tiếp theo, chúng tôi đưa ra danh sách các tư liệu đã được phân loại theo trình độ và kí hiệu. (Xin xem phần phụ lục)

2. SỐ LƯỢNG PHỤ TỪ ĐƯỢC ĐƯA VÀO GIẢNG DẠY TRONG PHẦN NGỮ PHÁP, BÀI TẬP VÀ BÀI LUYỆN CỦA CÁC SÁCH TIẾNG VIỆT CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI.

Kết quả của việc thống kê các sách ở trên đã cho chúng tôi thấy những phụ từ được giải thích trong phần ngữ pháp đều được các tác giả đưa vào phần bài luyện và bài tập. Chính vì vậy mà danh sách phụ từ được giải thích trong phần ngữ pháp và danh sách phụ từ trong phần bài tập và bài luyện nhằm ứng dụng kiến thức đã học là tương đương nhau.

PHẦN 2. NGHIÊN CỨU TRIỂN KHAI

CHƯƠNG 1

PHỤ TỪ TRONG CÁC SÁCH DẠY TIẾNG VIỆT NHƯ MỘT NGOẠI NGỮ (BẬC HỌC CƠ SỞ). MIÊU TẢ VÀ BÀN LUẬN

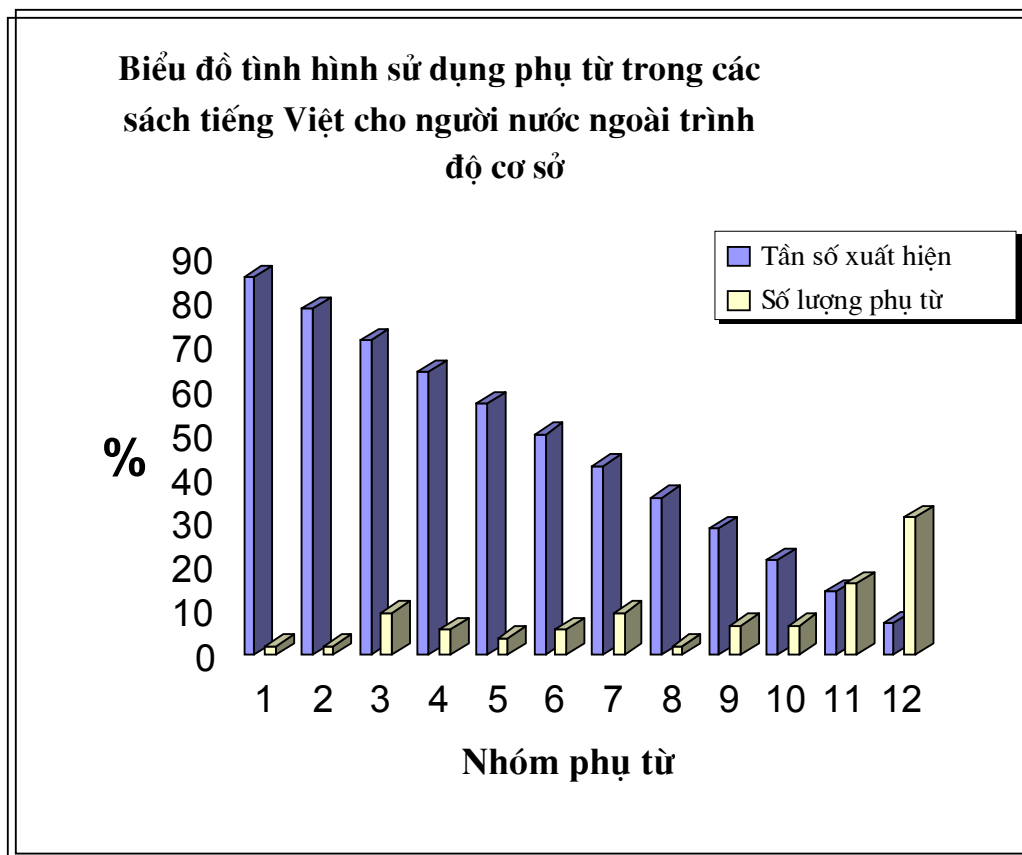
1. CÁCH GỌI TÊN CÁC PHỤ TỪ TRONG CÁC SÁCH.

Cùng một phụ từ nhưng có thể được các tác giả gọi bằng những tên khác nhau. Ví dụ phụ từ “*vẫn*” chỉ sự tiếp diễn trong câu: “tôi *vẫn* khỏe”; “Chị ấy *vẫn* đang hát”... trong sách “Tiếng Việt Cơ Sở” của Vũ Văn Thi được tác giả gọi là trợ động từ, trong khi đó cuốn “Tiếng Việt Thực Hành” quyển I, tác giả Nguyễn Việt Hương lại xếp từ này vào nhóm phó từ. Có một số tác giả lại không xếp phụ từ vào nhóm nào cả, mà chỉ nói chung chung...

Từ những thực tế giải thích các hiện tượng ngữ pháp trong các sách dạy tiếng Việt cho người nước ngoài hiện hành, để tránh những ý kiến khác nhau về quan điểm gây ra những thắc mắc không đáng có của người học, chúng tôi xin đề xuất quan điểm của luận văn là không gọi tên các phụ từ cũng như các thuật ngữ chuyên ngành trong phần giải thích ngữ pháp của sách dạy tiếng Việt mà chỉ đưa ra từ, cấu trúc và phần hướng dẫn sử dụng các từ, cấu trúc đó.

2. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG PHỤ TỪ TRONG CÁC SÁCH.

Tổng số phụ từ và cặp phụ từ mà chúng tôi khảo sát được trong phần giải thích ngữ pháp của các sách dạy tiếng Việt cho người nước ngoài trình độ cơ sở là 106 phụ từ và cặp phụ từ.



3. CÁCH GIẢI THÍCH Ý NGHĨA, CHỨC NĂNG VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CÁC PHỤ TỪ TRONG PHẦN NGỮ PHÁP CỦA SÁCH

Qua thống kê phân giải thích ngữ pháp của các sách trình độ cơ sở, chúng tôi nhận thấy ở mỗi sách khác nhau thì số lượng hư từ nói chung và phụ từ nói riêng được các tác giả đưa vào giải thích ở phần ngữ pháp hoàn toàn khác nhau. Có sách giải thích đến 108 hiện tượng hư từ trong đó 65 hiện tượng đề cập đến phụ từ (sách “Tiếng Việt cho người nước ngoài” của Bùi Phụng) nhưng cũng có sách chỉ giải thích 13 hiện tượng hư từ trong đó 7 hiện tượng là phụ từ (sách “Tiếng Việt for beginner 1” của Phan Văn Giưỡng). Và cũng có rất nhiều hiện tượng phụ từ khác được giải thích ở sách này mà không được giải thích ở sách khác, nhưng nhìn chung các tác giả thường tập trung vào giải thích một số phụ từ nhất định như:

vẫn; còn; đã; đang; sẽ; không; có...không?; cứ; đã...chưa?; rất; lắm; quá; hãy; đi...

4. CÁCH VẬN DỤNG CÁC PHỤ TỪ VÀO LÀM BÀI LUYỆN VÀ BÀI TẬP CỦA CÁC SÁCH.

Việc khảo sát 14 cuốn sách trình độ cơ sở cho chúng tôi thấy các tác giả đã vận dụng một số dạng bài tập và bài luyện chính sau đây để giúp học viên có thể nhớ và sử dụng được các phụ từ mà họ học trong phần ngữ pháp của bài.

- **Dạng 1.** Dịch các câu từ tiếng Việt sang tiếng Anh. Trong mỗi câu đó thường có các hiện tượng ngữ pháp mà tác giả đã giải thích trong phần ngữ pháp của bài.

- **Dạng 2.** Cho các thông tin cần thiết và một mẫu câu cụ thể có phụ từ được học trong bài. (Phụ từ đó có thể được in nghiêng hoặc in đậm hoặc gạch chân) rồi yêu cầu học viên sử dụng phụ từ đó để nối các thông tin đã cho thành câu đúng giống với mẫu.

- **Dạng 3.** Cho các câu chưa hoàn chỉnh rồi yêu cầu học viên dùng các phụ từ mà đề bài yêu cầu để điền vào chỗ trống.

- **Dạng 4.** Dùng phụ từ có sẵn ở đề bài để viết lại các câu phía dưới theo mẫu đã cho.

- **Dạng 5.** Dùng các cặp phụ từ để liên kết các yếu tố cho sẵn thành câu hoàn chỉnh.

- **Dạng 6.** Thêm phụ từ mà đề bài yêu cầu vào các câu có sẵn sao cho đúng vị trí và đúng nghĩa.

- **Dạng 7.** Dùng các phụ từ hoặc các cặp phụ từ có sẵn ở đề bài để chuyển các câu phía dưới thành loại câu khác: câu hỏi; câu phủ định; câu cầu khiến; câu khẳng định...

Dạng 8. Đặt câu với các phụ từ mà đề bài yêu cầu. Thường từ 3 đến 5 câu.

Bảng thống kê tần số xuất hiện các dạng bài được các tác giả sử dụng trong phần bài tập và bài luyện của các sách tiếng Việt cho người nước ngoài trình độ cơ sở.

Quyển	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	Tần số xuất hiện
Dạng 1	+	+	-	+	-	-	-	+	-	-	-	+	-	-	35,71%
Dạng 2	-	-	+	+	+	-	-	-	-	-	+	-	-	-	28,57%
Dạng 3	+	-	+	-	+	-	+	+	+	+	-	-	-	+	57,14%
Dạng 4	-	-	-	-	+	+	-	-	+	-	-	-	-	-	21,42%
Dạng 5	+	+	-	-	-	+	+	-	-	+	-	+	-	-	42,85%
Dạng 6	-	+	+	-	-	-	-	+	-	-	+	-	-	-	28,57%
Dạng 7	-	+	-	+	-	+	+	+	+	+	+	+	-	+	71,42%
Dạng 8	+	+	-	-	-	+	+	-	-	-	-	-	-	+	35,71%

CHƯƠNG 2

PHỤ TỪ TRONG CÁC SÁCH DẠY TIẾNG VIỆT NHƯ MỘT NGOẠI NGỮ (BẬC HỌC NÂNG CAO). MIÊU TẢ VÀ BÀN LUẬN

1. CÁCH GỌI TÊN CÁC PHỤ TỪ TRONG CÁC SÁCH DẠY TIẾNG VIỆT CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI TRÌNH ĐỘ NÂNG CAO.

Trong 10 cuốn sách chúng tôi khảo sát chỉ có 2 cuốn: “Tiếng Việt thực hành dùng cho người nước ngoài” của Đinh Thanh Huệ (chủ biên) và cuốn “Tiếng Việt trong giao dịch thương mại ” của Nguyễn Anh Quế-Hà Thị Quế Hương có hiện tượng gọi tên một số hư từ ở phần giải thích ngữ pháp. So với sách ở trình độ cơ sở, sách trình độ nâng cao thì ngược lại, giương như các tác giả không quan tâm lắm đến việc gọi tên các hư từ mà chú trọng vào việc giải thích nghĩa và hướng dẫn cách sử dụng.. Để tránh những thắc mắc không cần thiết của học viên, luận văn xin một lần nữa đề xuất ý kiến không gọi tên các phụ từ trong các sách trình độ nâng cao. Đối với các phụ từ đơn chỉ nên nói một cách chung chung như một số tác giả khác đã sử dụng.

2. CÁCH GIẢI THÍCH Ý NGHĨA, CHỨC NĂNG VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CÁC PHỤ TỪ TRONG PHẦN NGỮ PHÁP CỦA CÁC SÁCH NÂNG CAO.

Việc khảo sát trực tiếp trên các tư liệu đã cho chúng tôi thấy cách giải thích của sách nâng cao và sách cơ sở vẫn có những điểm giống và khác nhau. Giống ở chỗ vẫn thấy cách giải thích kiểu “hàn lâm”, mang nặng tính lí luận.

Việc trong một bài xuất hiện nhiều nét nghĩa khác nhau của một phụ từ nào đó không còn là hiện tượng hiếm thấy như trong các sách cơ sở nữa. Theo chúng tôi việc giới thiệu các nét nghĩa và cách

dùng khác nhau của một từ nào đó là việc nên làm, đặc biệt đối với học viên có trình độ cao cấp thì điều này lại càng trở nên cần thiết, vấn đề là phải biết chọn thời điểm để đưa các vấn đề ngữ pháp vào bài và sắp xếp chúng sao cho hợp lý, tránh trường hợp gây quá tải hay tâm lý căng thẳng cho học viên.

Một điểm khác biệt nữa mà chúng tôi nhận thấy là rất nhiều tác giả của sách nâng cao đã giải thích các hiện tượng ngữ pháp và đưa ra các ví dụ minh họa hoàn toàn bằng tiếng Việt.

3. CÁCH VẬN DỤNG CÁC PHỤ TỪ TRONG PHẦN BÀI TẬP VÀ BÀI LUYỆN CỦA CÁC SÁCH NÂNG CAO.

Việc thống kê và nghiên cứu các dạng bài luyện và bài tập của các sách nâng cao đã cho chúng tôi những khái quát và con số cụ thể như sau:

- **Dạng 1.** Cho các hình vẽ rồi yêu cầu học viên dùng các phụ từ hoặc các cặp

phụ từ được gợi ý ở đầu bài để đặt câu diễn đạt nội dung các hình vẽ đó. (Có thể có ví dụ).

- **Dạng 2.** Cho các câu chưa hoàn chỉnh rồi yêu cầu học viên dùng các phụ từ mà đề bài yêu cầu để điền vào chỗ trống.

- **Dạng 3.** Thêm phụ từ mà đề bài yêu cầu vào các câu có sẵn sao cho đúng vị trí và đúng nghĩa.

- **Dạng 4.** Dịch các câu từ tiếng Việt sang tiếng Anh hoặc từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

- **Dạng 5:** Đặt câu với các phụ từ mà đề bài yêu cầu. Thường từ 3 đến 5 câu.

Ví dụ:

- **Dạng 6:** Dùng các cặp phụ từ để liên kết các câu hay các vế câu cho sẵn thành câu hoàn chỉnh và có nghĩa. (Thường có câu mẫu)

- **Dạng 7:** Dùng các phụ từ cho sẵn ở đề bài để viết lại các câu phía dưới. (Có thể có mẫu).

- **Dạng 8:** Cho các tình huống cụ thể rồi sử dụng các phụ từ hoặc các cặp phụ từ mà đề bài yêu cầu để viết lên suy nghĩ của mình về tình huống đó.

- **Dạng 9:** Trả lời các câu hỏi bằng cách sử dụng các phụ từ mà đề bài yêu cầu. (Có thể có mẫu)

- **Dạng 10:** Cho các câu chưa hoàn chỉnh, thường chỉ có một vế (hoặc là vế đầu hoặc là vế cuối đã có sẵn phụ từ được học) rồi yêu cầu học viên viết tiếp vế còn thiếu của câu.

Bảng thống kê tần số xuất hiện các dạng bài được các tác giả sử dụng trong phần bài tập và bài luyện của các sách tiếng Việt cho người nước ngoài trình độ nâng cao.

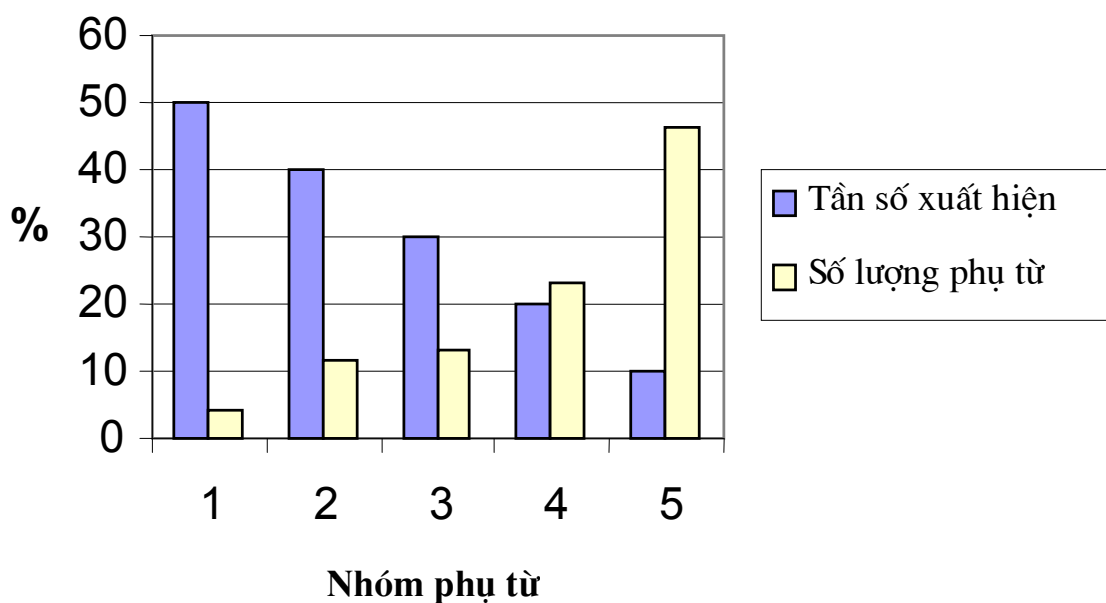
Quyển	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	Tần số xuất hiện
Dạng 1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	+	10%
Dạng 2	+	-	+	+	+	-	-	+	-	+	60%
Dạng 3	-	+	+	+	-	+	-	+	-	-	50%
Dạng 4	-	-	+	+	-	-	+	-	+	+	50%
Dạng 5	-	+	+	+	+	+	+	-	+	+	80%
Dạng 6	+	+	+	-	+	+	-	+	-	+	70%
Dạng 7	+	+	+	-	+	+	-	+	-	-	60%
Dạng 8	+	-	-	-	-	+	-	+	-	-	30%
Dạng 9	+	-	-	+	-	+	-	+	-	-	40%
Dạng 10	+	-	+	+	+	+	+	+	-	-	70%

4. CÁC PHỤ TỪ BỊ LẶP LẠI TRÌNH ĐỘ CƠ SỞ.

4.1. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG CÁC PHỤ TỪ BỊ LẶP LẠI TRÌNH ĐỘ CƠ SỞ TRONG CÁC SÁCH NÂNG CAO

Số lượng phụ từ chúng tôi thống kê được từ các giáo trình tiếng Việt cho người nước ngoài trình độ nâng cao là 111 phụ từ. Trong đó có đến hơn một nửa phụ từ bị lặp lại ở trình độ cơ sở, chiếm khoảng 58,55%. Số lượng phụ từ không bị lặp lại trình độ cơ sở khoảng 41,44%.

Biểu đồ thể hiện tình hình số đông các phụ từ bị lặp lại trình độ cơ sở.

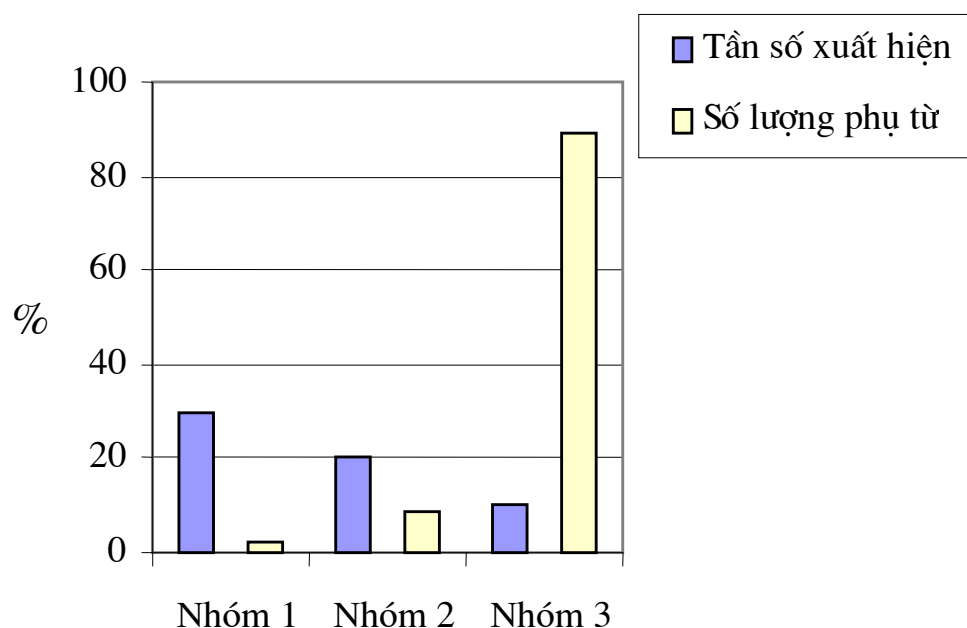


5. CÁC PHỤ TỪ KHÔNG BỊ LẶP LẠI TRÌNH ĐỘ CƠ SỞ.

5.1. Tình hình sử dụng các phụ từ không bị lặp lại trình độ cơ sở trong các sách nâng cao.

Số lượng phụ từ không bị lặp lại trình độ cơ sở mà chúng tôi thống kê được là 46 phụ từ, chiếm khoảng 41,44% tổng số phụ từ được các tác giả đề cập đến trong phần ngữ pháp và phần bài tập, bài luyện của các sách nâng cao.

Biểu đồ thể hiện tình hình sử dụng các phụ từ không bị lặp lại trình độ cơ sở



CHƯƠNG 3

MỘT VÀI Ý KIẾN ĐÓNG GÓP CHO GIẢI PHÁP BIÊN SOẠN VÀ GIẢNG DẠY PHỤ TỪ TIẾNG VIỆT NHƯ MỘT NGOẠI NGỮ

1. ĐỀ XUẤT VỀ THỨ TỰ CÁC PHỤ TỪ ĐƯỢC ĐƯA VÀO GIẢNG DẠY TRONG PHẦN NGỮ PHÁP CỦA CÁC SÁCH.

Luận văn xin đề xuất 15 nhóm phụ từ được sắp xếp theo thứ tự từ tần số xuất hiện cao xuống tần số xuất hiện thấp (xem bảng dưới đây).

Nhóm	Số lượng phụ từ	Tên các phụ từ và các cặp phụ từ	Tổng số lần xuất hiện ở cả hai trình độ	Tần số
1	1	<i>Đã</i>	16	66,66%
2	4	<i>(Có)...không?; vừa...vừa; mới; lại</i>	14	58,33%
3	2	<i>....đi; ra</i>	13	54,16%
4	4	<i>(Đã)...chưa?; ..ngày càng...; Càng.....càng.....; được</i>	12	50%
5	5	<i>Rất; những; hãy; bằng; ...chỉ...thôi</i>	11	45,83%
6	8	<i>Cũng; đang; sẽ; đều; lắm; vừa; nhất; (có).....mới.....</i>	10	41,66
7	5	<i>Quá; hơn; luôn (luôn luôn); ...tự...; đừng</i>	9	37,5%
8	4	<i>Vẫn; các; lên; ...đã...lại...</i>	8	33,33%

9	5	<i>Còn; không; hơi ; (có)...đâu; sắp....chưa?</i>	7	29,16%
10	10	<i>Sắp; thấy;ngay; khá;ngoài.....còn; nổi; xuể; đã..... bao giờ chưa?; thường;phải không?</i>	6	25%
11	4	<i>Cứ; như; chớ; có phải.....không?</i>	5	20,83%
12	14	<i>Vừa.....đã; rồi; hết; không.....lắm; không.....gì cả; không.....đâu; ...thêm.....nữa; có lẽ; hàng; không.....cũng không.....; có; toàn những.....là.....;xem; mãi...mới</i>	4	16,66%
13	6	<i>....đi...lại.....; chưa; thỉnh thoảng; nốt; hầu như; chẳng lẽ</i>	3	12,5%
14	22	<i>Hơn cả (hết);lấy; kém;vừa....lại.....; xong; chẳng....gì cả; chẳnglà gì; chắc; cả.....nữa; hình như; đôi khi; biết bao nhiều; từng; đã lần nào....chưa?;hộ;giùm; mà; lẽ ra; chẳng.....mấy; mới.....đã.....; mãi; thế nào cũng</i>	2	8,33%
15	58	<i>....đã...còn; không hề; chẳng</i>	1	4,16%

		<i>hề; chưa hề;</i> <i>.....xong....chưa? liền;</i> <i>không thể không.....; xiết bao;</i> <i>vô cùng; hiếm khi; bỗng;</i> <i>chợt;mãi.....;</i> <i>đầy những....là.....; mà lại; có</i> <i>vẻ; cùng; không bao giờ; tạm;</i> <i>đáng ra; chẳng lúc nào; hẳn là;</i> <i>quá thể; hết A đến B;có;</i> <i>có phải.....đâu;.....gì;</i> <i>không.....mấy;qua;</i> <i>.....kỹ; bất cứ; rất đôi; đồng</i> <i>thời; không lấy gì làm.....;</i> <i>không thể.....mà không.....;</i> <i>không...không phải vì.....mà vì;</i> <i>không có.....thì không có.....;</i> <i>.....vào; ...tương đối..;</i> <i>Chứ không; chứ chưa;</i> <i>không một...nào; không</i> <i>phải....lại càng không phải.....;</i> <i>mỗi lúc một; mỗi....một;</i> <i>còn.....đang còn.....;</i> <i>đang....đã...; biết đâu; không</i> <i>biết chừng; khỏi; chưa.....đã.....;</i> <i>đời nào; biết mấy; biết chừng</i> <i>nào; bao giờ cũng; không</i> <i>phải....nào cũng; chẳng; chưa</i> <i>bao giờ</i>		
--	--	--	--	--

2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY PHỤ TỪ TIẾNG VIỆT CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI.

2.1. Nội dung dạy phụ từ tiếng Việt cho người nước ngoài.

2.1.1. Dạy nghĩa tiềm tàng của các phụ từ.

Nghĩa tiềm tàng là nghĩa luôn tồn tại trong phụ từ mà ít thay đổi theo văn cảnh.

2.1.2. Dạy nghĩa ngữ cảnh của các phụ từ.

Việc dạy nghĩa ngữ cảnh sẽ giúp cho người học hiểu được nghĩa của từ trong những ngữ cảnh cụ thể.

2.2. Các phương pháp giảng dạy phụ từ tiếng Việt.

2.2.1. Phương pháp ngữ pháp dịch.

Đây là phương pháp sử dụng việc dịch và học ngoại ngữ như là những hoạt động dạy và học chủ yếu. Vận dụng phương pháp này trong các sách dạy tiếng Việt cho người nước ngoài thì cần phải đưa ra các cấu trúc ngữ pháp để học viên có thể nắm bắt được cách sử dụng của các phụ từ và vị trí của chúng ở trong câu.

2.2.2. Ứng dụng phương pháp giao tiếp vào giảng dạy phụ từ tiếng Việt.

- Tài liệu giảng dạy theo phương pháp này thường dạy cái ngôn ngữ cần cho việc diễn đạt và hiểu những chức năng như đề nghị, khuyên bảo, miêu tả... và nhấn mạnh tiến trình giao tiếp.

2.2.3. Sử dụng phương pháp "hành vi kèm lời" vào việc dạy phụ từ tiếng Việt cho người nước ngoài.

Phương pháp hành vi kèm lời là phương pháp kết hợp giữa lời nói và ngôn ngữ cử chỉ.

3. MỘT SỐ BÀI TẬP VÀ BÀI LUYỆN ỨNG DỤNG TRONG VIỆC GIẢNG DẠY PHỤ TỪ TIẾNG VIỆT.

3.1. Dạng bài luyện theo tranh

Chúng tôi sử dụng dạng bài luyện theo tranh để tạo sự hứng thú cho người học. Dưới mỗi tranh là phần gợi ý để người học hoàn thành câu đúng với mục đích của bài luyện.

Ví dụ:

Nhìn vào những bức tranh dưới đây rồi dùng kết cấu *đã.....rồi* để trả lời mỗi câu hỏi dưới bức tranh.



Em ấy *đã* biết sử dụng máy vi tính *chưa*?

Rồi, em ấy.....



Chị ấy *đã* đi chơi golf *chưa*?

Rồi, chị ấy.....



Họ *đã* gặp nhau *chưa*?

Rồi,

họ.....

3.2. Dạng bài luyện với flash cards.

Ví dụ:

Đặt 2 câu với từ <i>"không phải"</i>	Điền từ vào chỗ trống <i>Tôi là người Việt Nam.</i> <i>Chị ấy..... người Việt Nam</i>	Đặt 2 câu hỏi với từ <i>"phải không?"</i>
--	--	---

Đối với học viên có trình độ cao hơn, chúng ta nên tạo những flash cards có nội dung luyện tập khó hơn. Ví dụ:

Hoàn thành câu sau: <i>Chị ấy vừa học tiếng Việt vừa.....</i>	Đặt 2 câu với kết cấu <i>" vừa.....đã....."</i>	Sử dụng kết cấu <i>" có.....mới....."</i> để khuyên người khác trong các tình huống sau: <i>Chị của bạn bị ốm nhưng không muốn uống thuốc.</i>
---	---	---

3.3. Dạng bài luyện qua trò chơi đặt câu hỏi

Đây là dạng bài tập khá lý thú, luyện cho học viên cách sử dụng phụ từ để đặt câu hỏi. Việc nắm vững cách đặt câu hỏi sẽ giúp cho người học cảm thấy dễ dàng hơn trong khi giao tiếp. Dạng bài này thường áp dụng phổ biến cho lớp đông, cả lớp trình độ cơ sở và lớp trình độ nâng cao.

4. LỖI PHỤ TỪ VÀ PHƯƠNG PHÁP CHỮA LỖI.

4.1. Lỗi do dịch sai.

Đây là những lỗi đơn giản nhất và dễ gặp ở trình độ cơ sở. Những lỗi này thường xuất hiện khi học viên dịch từ một ngoại ngữ khác sang tiếng Việt, thường là tiếng Anh.

4.2. Lỗi xuất phát từ đặc điểm ngôn ngữ đơn lập của tiếng Việt.

Đó là những lỗi về trật tự từ. Việc sắp xếp vị trí của phụ từ trong câu dẫn đến những lúng túng mà sinh viên thường mắc phải khi sử dụng.

4.3. Lỗi xuất phát từ đặc điểm văn hóa dân tộc.

Lỗi này do tư duy ngôn ngữ. Các nước khác nhau thì sự tư duy ngôn ngữ cũng khác nhau.

KẾT LUẬN

1. Quá trình khảo sát và nghiên cứu 24 cuốn giáo trình tiếng Việt cho người nước ngoài (ở cả bậc cơ sở và nâng cao) đã giúp chúng tôi giới thiệu và mô tả được ý nghĩa và chức năng của 152 phụ từ ở cả hai trình độ. (Trong đó 106 phụ từ ở trình độ cơ sở và 46 phụ từ ở trình độ nâng cao). Bên cạnh đó, việc giải thích ý nghĩa, chức năng và hướng dẫn sử dụng các phụ từ ở phần ngữ pháp của các sách trình độ cơ sở và nâng cao cũng được luận văn tìm hiểu khá kỹ. Một trong những vấn đề mà luận văn đã giải quyết được là khái quát được 3 biểu đồ thể hiện tình hình sử dụng các phụ từ trong các sách cơ sở và nâng cao. Việc khảo sát cũng giúp cho luận văn có cái nhìn tổng quát hơn trong việc giới thiệu 18 dạng bài được các tác giả vận dụng khá phổ biến trong phần bài tập và bài luyện của các sách. Luận văn đã đề xuất được thứ tự các phụ từ đưa vào giảng dạy trong phần ngữ pháp của các sách thông qua việc sắp xếp lại 152 phụ từ vào 15 nhóm khác nhau, theo thứ tự từ nhóm có tần số xuất hiện cao đến nhóm có tần số xuất hiện thấp. Bên cạnh đó, luận văn còn đưa ra được những ý kiến về giải pháp trong biên soạn và giảng dạy phụ từ tiếng Việt cho người nước ngoài. Cụ thể là:

- + Nội dung dạy
- + Phương pháp dạy
- + Những bài tập và bài luyện sẽ được ứng dụng trong việc giảng dạy.
- + Lỗi phụ từ và phương pháp chữa lỗi.

2. Do thời gian và trình độ chuyên môn còn hạn chế, vấn đề nghiên cứu của luận văn lại quá rộng và phức tạp nên có những vấn

đề luận văn chưa thể giải quyết triệt để. Chẳng hạn như: ranh giới giữa hư từ và phụ từ vẫn chưa được luận văn đề cập đến một cách sâu sắc. Trong phần đóng góp cho giải pháp biên soạn và giảng dạy phụ từ tiếng Việt, luận văn mới chỉ dừng lại ở việc đề xuất về thứ tự các phụ từ được đưa vào giảng dạy trong phần ngữ pháp của các sách chứ chưa đề xuất được số lượng cụ thể nên đưa vào giảng dạy là bao nhiêu...Đó là những vấn đề mà luận văn cần phải được tiếp tục thảo luận và nghiên cứu khi có điều kiện triển khai.

3. Trong quá trình thực hiện luận văn này, chúng tôi đã cố gắng hết sức để mong đạt được mục đích nghiên cứu của mình. Tuy nhiên luận văn vẫn không thể tránh khỏi những hạn chế và thiếu sót, kính mong các thầy cô và các bạn cho những lời khuyên quý báu để luận văn ngày một hoàn thiện và hữu ích hơn.

